

Bản án số 200/2018/HC-PT
Ngày 15/11/2018
V/v “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh, bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 209/2018/TLPT-HC ngày 22/8/2018 về “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209A/2018/QĐ-PT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Văn N và bà Bùi Thị C [ông N là chồng của bà C, trú tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk]; ông N có mặt, bà C vắng mặt.

Ông N, bà C ủy quyền cho ông Võ Đình S [sinh ngày 30/12/1964; HKTT: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk] tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền lập ngày 28/9/2018 tại UBND phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; ông S có mặt.

2. Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 46 Phan Bội Châu, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đình N (Phó giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường) theo Văn bản ủy quyền số 2164/UQ-STNMT ngày 02/11/2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk, ông N vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Thế N1, bà Đỗ Thị Thanh T [ông N1 là chồng của bà T; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk], ông N1 vắng mặt, bà T có mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật là ông Trương Công T - Chủ tịch UBND thành phố B. Người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Nhật N (Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B) theo Văn bản ủy quyền số 06/GUQ-UBND ngày 05/02/20180; ông N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2017 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C trình bày:

Ngày 02/10/1999, Ông Bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Thế N1, bà Đỗ Thị Thanh T 400m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại km 4, tỉnh lộ I, thuộc địa phận phường T (nay là thửa số 168, tờ bản đồ 37, diện tích 469,4m² tại địa chỉ 269 Nguyễn Thị Định, phường T), thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Việc sang nhượng hai bên có lập *Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất* và *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*, được UBND phường T thẩm tra, xác nhận theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng ông N đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông N1 và vợ chồng ông N1 đã giao đất cho vợ chồng ông N sử dụng từ ngày 22/10/1999; vợ chồng ông N đã xây dựng nhà, nhập hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định, hàng năm đóng thuế cho Nhà nước không có tranh chấp đến nay. Sau đó vợ chồng ông N không biết bằng cách nào mà hộ bà Đỗ Thị Thanh T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất* số CI 601164 ngày 25/5/2017 đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37, diện tích 469,4m², tại 269 Nguyễn Thị Định, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mà ông N, bà C đang sử dụng nên ông N, bà C gửi Đơn khiếu nại tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk nhưng không được giải quyết thỏa đáng. Do vậy, nay ông N, bà C khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất* số CI 601164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/5/2017 cho “*hộ Đỗ Thị Thanh T*”.

- Người bị kiện là Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1989, hộ bà Đỗ Thị Thanh T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Y Xa T và bà H Xep B; đến năm 2005, hộ bà T kê khai

xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2 thửa đất là thửa số 75A, tờ bản đồ số 1B, diện tích 300m² đất ở đô thị và thửa số 75, tờ bản đồ số 1B, diện tích 1.539m² đất trồng cây hàng năm, tại địa bàn phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà T gồm *Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Biên bản xác định ranh giới sử dụng đất đô thị, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, Biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất* do UBND phường T lập ngày 28/6/2004, *Đơn xin đất thổ cư* của hộ ông Y Xa Tiêu và bà H Xep B được UBND xã E xác nhận ngày 07/4/1989. Căn cứ Điều 50, khoản 2 Điều 52 luật Đất đai năm 2003; khoản 1 điều 48, Điều 136, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính, UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AD 549264 ngày 27/10/2005 cho hộ bà Đỗ Thị Thanh T đối với thửa đất số 75 A, tờ bản đồ 1B, diện tích 300m² đất ở đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài và *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AD 549265 ngày 27/10/2005 cho hộ bà Đỗ Thị Thanh T đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ 1B, diện tích 1539m², đất trồng cây hàng năm tại phường T, thành phố B là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Trong quá trình sử dụng, ngày 10/5/2017 bà Đỗ Thị Thanh T nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đề nghị hợp thửa đất số 75 và 75 A thành 01 (một) thửa, đồng thời tách thành 03 (ba) thửa mới là thửa số 166, 167 và 168. Căn cứ khoản 3 Điều 105 luật Đất đai năm 2013; khoản 1, Điều 37, Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai 2013; khoản 11, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận, lập thủ tục hợp thửa, tách thửa trình Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh cấp đổi cho hộ bà Đỗ Thị Thanh T 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số CI 601164 ngày 25/5/2017 cấp cho “*hộ Đỗ Thị Thanh T*” đối với thửa 168, tờ bản đồ số 37, diện tích 469,4 m² (trong đó có 55m² đất ở, 414.4m² đất trồng cây hàng năm) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định của pháp luật.

Khi cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đỗ Thị Thanh T thì Sở Tài nguyên và Môi trường không nhận được *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* giữa vợ chồng ông N1, bà T cho vợ chồng ông N, bà C; do đó, nay vợ chồng ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số CI 601164 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25/5/2017 cho “*hộ Đỗ Thị Thanh T*” thì khi nào có Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu

lực pháp luật và xác định tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ xem xét, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Phạm Thế N1, bà Đỗ Thị Thanh T trình bày:*

Năm 1989, Ông Bà nhận chuyển nhượng một mảnh đất của vợ chồng ông Y Xa Tiêu và bà H Xep B; đến năm 2005, Ông Bà kê khai và được UBND thành phố B cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AD 549264 ngày 27/10/2005 đối với thửa đất số 75 A, tờ bản đồ 1B, diện tích 300m² đất ở đô thị và *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số AD 549265 ngày 27/10/2005 đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ 1B, diện tích 1539m², đất trồng cây hàng năm tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2017, Ông Bà làm thủ tục đề nghị hợp thửa số 75 và thửa 75 A thành 01 (một) thửa, đồng thời tách thành 03 (ba) thửa mới là thửa số 166, 167 và 168.

Trước đó, vào tháng 01/1999 gia đình ông N, bà C từ tỉnh Ninh Bình vào Đắk Lắk sinh sống vì là hộ hàng ngoài quê nên lúc đầu Ông Bà cho vợ chồng ông N, bà C ở nhờ nhà của Ông Bà. Sau đó, do nhà chật nên Ông Bà cho vợ chồng ông N làm nhà ở nhờ trên mảnh đất hiện nay là thửa số 168, tờ bản đồ số 37, diện tích 469,4m² tại địa chỉ 269 Nguyễn Thị Định, phường T, thành phố B, với thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng ông N có tiền thì sẽ trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán. Từ đó đến nay vợ chồng ông N không trả tiền, mà còn ngang nhiên xây dựng nhà, lấn chiếm trái phép nên Ông Bà đã báo Chính quyền địa phương giải quyết thì ông N xuất trình *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* và *Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất* có chữ ký của ông Phạm Thế N1. Đối với *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* và *Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất* do vợ chồng ông N xuất trình này thì Ông Bà khẳng định không phải chữ ký của ông N1 mà do bà T viết và ký giả chữ ký của ông N1. Lý do bà T lập hai văn bản này và ký giả chữ ký của ông N1 là vì muốn tạo điều kiện cho vợ chồng ông N, bà C có tài sản để vay tín chấp. Nay vợ chồng ông N, bà C xuất trình *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* và *Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất* yêu cầu Tòa án công nhận ông N, bà C đã nhận chuyển nhượng đất của Ông Bà thì Ông Bà không đồng ý vì 02 văn bản này xác lập giả cách; tuy là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng không ghi số hợp đồng, không ghi giá chuyển nhượng, phương thức giao nhận tiền, không ghi kích thước thửa đất chuyển nhượng mà chỉ ghi chung chuyển nhượng 400m² đất và hiện nay trên đất của Ông Bà thì ngoài vợ chồng ông N làm nhà ở nhờ, còn 02 hộ khác (hộ gia đình ông Bùi Văn S và hộ gia đình ông Phạm Văn V) cũng đang ở nhờ trên đất; do đó, Ông Bà đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện

của vợ chồng ông N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày:*

Khi cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đỗ Thị Thanh T thì UBND thành phố không nhận được khiếu nại, cũng như không nhận được tài liệu là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông N1, bà T cho vợ chồng ông N, bà C nên việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T là đúng quy định của pháp luật. Nay vợ chồng ông N, bà C khởi kiện thì UBND thành phố B đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 11/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:*

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358, Điều 359 Bộ luật tố tụng hành chính; Căn cứ vào các Điều 50; khoản 2 Điều 52 luật Đất đai năm 2003; Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Điều 105 luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 điều 48, Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1, Điều 37, Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 11, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Bác đơn khởi kiện của người khởi kiện là ông Vũ Văn N và bà Bùi Thị C về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 601164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/5/2017 cho hộ bà Đỗ Thị Thanh T đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37, diện tích 469,4m² tọa lạc tại Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) và được khấu trừ số tiền đã nộp. Như vậy, ông N và bà C đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/000443 8 ngày 17/8/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; như vậy, ông N và bà C đã nộp xong.

- Ngày 15/6/2018, vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C có Đơn kháng cáo không đồng ý với toàn bộ phán quyết của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Ông N và ông S (là người đại diện theo ủy quyền cho vợ chồng ông N, bà C) trình bày:

+ Lý do của việc vợ chồng ông N, bà C khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 601164 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho “hộ Đỗ Thị Thanh T” ngày 25/5/2017 đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37, diện tích 469,4m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là vì vợ chồng bà T đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông N, bà C năm 1999 (có Hợp đồng chuyển nhượng), nhưng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cho hộ bà T là không đúng. Tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù Hội đồng xét xử có giải thích đề ông N, bà C làm đơn khởi kiện bổ sung vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng đất với vợ chồng ông N1, bà T; nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên ông N, bà C (lúc đó chưa ủy quyền cho ông Võ Đình S) không làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự;

+ Nay thấy rằng việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan chặt chẽ với yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nên ông N và ông S đề nghị Tòa án chấp nhận cho Người khởi kiện rút Đơn khởi kiện vụ án hành chính để khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kèm yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông N viết và nộp trực tiếp tại Phòng xử án Đơn khởi kiện vụ án dân sự, kèm yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý, đưa ra xét xử vụ án.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Người khởi kiện rút đơn khởi kiện, đồng thời nộp Đơn khởi kiện vụ án dân sự, kèm yêu cầu hủy Quyết định cá biệt; Người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo báo cáo của Thư ký phiên tòa thì Văn thư tên “Lan” của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã ký nhận Báo phát của Bưu chính đối với Giấy triệu tập phiên tòa và tại Phòng xử án hôm nay Thư ký Phiên tòa đã kết nối điện thoại trực tiếp được với ông Bùi Thanh L (Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk - Người bị kiện) thì ông L chấp nhận việc rút Đơn khởi kiện của Người khởi kiện; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ Điều 234 Luật tố tụng hành chính 2015 và hướng

dẫn tại mục 3 Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án hành chính; chuyển hồ sơ vụ án kèm Đơn khởi kiện vụ án dân sự và yêu cầu hủy quyết định cá biệt do ông N viết và nộp trực tiếp tại Phòng xử án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ khoản 1 Điều 34 Luật tổ tụng hành chính và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự thụ lý giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 01/8/2017 vợ chồng ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C có ***Đơn khởi kiện vụ án hành chính*** (bút lục 24) gửi Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất* số CI 601164 mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/5/2017 cho “*hộ Đỗ Thị Thanh T*” đối với thửa đất số 168, tờ bản đồ số 37, diện tích 469,4m², tại địa chỉ 269 Nguyễn Thị Định, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, với lý do ngày 02/10/1999, vợ chồng bà T, ông N1 đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất này cho ông N, bà C, nhưng Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T là không đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Do Người khởi kiện là vợ chồng ông N, bà C chỉ khởi kiện vụ án hành chính; còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vợ chồng ông N1, bà T không có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 02/10/1999 do vợ chồng ông N, bà C xuất trình nên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý vụ án hành chính “*Kiểm quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính 2015 tại Chương IV về khởi kiện, thụ lý vụ án.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã giải thích đề vợ chồng ông N, bà C làm Đơn khởi kiện bổ sung, giải thích đề vợ chồng ông N1, bà T làm Đơn yêu cầu độc lập để Tòa án thụ lý vụ án dân sự, xem xét tính hợp pháp của *Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất* đề ngày 02/10/1999 do vợ chồng ông N, bà C xuất trình; nhưng vợ chồng ông N và vợ chồng bà T không làm Đơn yêu cầu, do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chỉ tiến hành xét xử vụ án hành chính là đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông N và ông S (là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là vợ chồng ông N, bà C) trình bày: Đã tự nhận thấy yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan chặt chẽ với yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nên tự nguyện rút Đơn khởi kiện

vụ án hành chính, đề khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, kèm yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đồng thời viết và nộp trực tiếp tại Phòng xử án Đơn khởi kiện vụ án dân sự, kèm yêu cầu hủy Quyết định cá biệt). Người bị kiện mặc dù theo báo cáo của Thư ký phiên tòa thì Văn thư tên “*Lan*” của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã ký nhận Báo phát của bưu chính đối với Giấy triệu tập phiên tòa, nhưng vắng mặt; tuy nhiên, xét thấy, trong quá trình tố tụng sơ thẩm Người bị kiện đã có ý kiến sẽ xem xét, điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi có phán quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án và tại Phòng xử án hôm nay Thư ký phiên tòa đã kết nối điện thoại trực tiếp được với người bị kiện là ông Bùi Thanh L (Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk) thì ông L chấp nhận việc rút Đơn khởi kiện của Người khởi kiện. Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần căn cứ quy định tại Điều 234 Luật tố tụng hành chính 2015, hướng dẫn tại mục 3 Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, hủy bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, chuyển hồ sơ vụ án có kèm Đơn khởi kiện vụ án dân sự và yêu cầu hủy quyết định cá biệt do ông N viết, nộp trực tiếp tại Phòng xử án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ khoản 1 Điều 34 Luật tố tụng hành chính 2015 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định; Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không có lỗi đối với bản án hành chính sơ thẩm bị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy trong vụ án này.

[4]. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; đoạn cuối điểm b khoản 1 Điều 234 Luật tố tụng hành chính 2015 thì quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về án phí sơ thẩm có hiệu lực thi hành; án phí hành chính phúc thẩm thì vợ chồng ông N, bà C phải chịu $\frac{1}{2}$ theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích tại các luận điểm trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241, Điều 234 của Luật tố tụng hành chính 2015, được hướng dẫn tại mục 3 Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 34 Luật tố tụng hành chính 2015 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính; chuyển hồ sơ vụ án có kèm Đơn khởi kiện vụ án dân sự và yêu cầu hủy quyết định cá biệt do ông N viết và nộp trực tiếp tại Phòng xử án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk căn cứ khoản 1 Điều 34 Luật tổ tụng hành chính 2015 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định;

2. Ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng thì ông N và bà C đã nộp xong.

Ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004438 ngày 17/8/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì ông N và bà C đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm;

3. Ông Vũ Văn N, bà Bùi Thị C phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông N, bà C đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu số AA/2017/0009163 ngày 10/7/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk thì ông N, bà C được hoàn trả 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/11/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ vụ án để thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân